

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ  
số 82/2002/QĐ-TTg ngày 26/6/2002  
về việc thành lập, tổ chức và hoạt  
động của Quỹ Bảo vệ môi trường  
Việt Nam.**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 27 tháng 12 năm 1993;*

*Căn cứ Nghị định số 175/CP ngày 18 tháng 10 năm 1994 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; tiếp nhận các nguồn vốn đầu tư của Nhà nước nhằm hỗ trợ các chương trình, dự án, các hoạt động, nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên phạm vi cả nước.

Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam là tổ chức tài chính nhà nước trực thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và chịu sự quản lý nhà nước về tài chính của Bộ Tài chính.

**Điều 2.** Địa vị pháp lý của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

1. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam là tổ chức tài chính nhà nước thực hiện chức năng tài trợ tài chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có bảng cân đối kế toán riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng trong và ngoài nước.

2. Tên gọi: Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam. Tên giao dịch tiếng Anh: Vietnam Environment Protection Fund (VEPF).

3. Trụ sở của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đặt tại Hà Nội.

Quỹ có văn phòng đại diện ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

Quỹ được đặt các văn phòng giao dịch ở nước ngoài khi cần thiết theo quy định của Chính phủ.

4. Quỹ có thể đồng tài trợ tài chính với các Quỹ Môi trường ngành, địa phương và các loại hình quỹ khác cho các hoạt động bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, nhưng phải bảo đảm hoàn vốn điều lệ và bù đắp chi phí quản lý.

Giao Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam phù hợp với Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 4.** Nhiệm vụ của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

1. Huy động các nguồn tài chính trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật Việt Nam để tạo nguồn vốn đầu tư bảo vệ môi trường.

2. Hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án, các hoạt động phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường mang tính



quốc gia, liên ngành, liên vùng hoặc giải quyết các vấn đề môi trường cục bộ nhưng phạm vi ảnh hưởng lớn dưới các hình thức sau:

- a) Cho vay với lãi suất ưu đãi;
- b) Hỗ trợ lãi suất vay vốn cho dự án đầu tư bảo vệ môi trường khi vay vốn từ các tổ chức tín dụng khác;
- c) Tài trợ cho một số hoạt động, nhiệm vụ bảo vệ môi trường được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

3. Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn ủy thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để hỗ trợ đầu tư hoặc tài trợ cho các hoạt động, nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức thẩm định và xét chọn các hoạt động, nhiệm vụ và dự án bảo vệ môi trường xin tài trợ hoặc xin hỗ trợ đầu tư theo đúng quy định của pháp luật.

5. Quỹ được sử dụng vốn nhân rồi không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và có sự thỏa thuận của tổ chức, cá nhân cung cấp vốn để mua trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật.

**Điều 5.** Quyền hạn của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

1. Tổ chức cơ quan điều hành và các đơn vị nghiệp vụ hoạt động phù hợp với Điều lệ, mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra định kỳ và đột xuất các đơn vị sử dụng vốn của Quỹ trong việc triển khai các hoạt động, nhiệm vụ và dự án bảo vệ môi trường. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có quyền rút vốn vay, đình chỉ tài trợ hoặc hỗ trợ lãi suất vay đối với các chủ đầu tư vi phạm cam kết với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước và khởi kiện các chủ đầu tư đó tới các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Được mời các chuyên gia của các Bộ, ngành và tổ chức có liên quan tham gia Hội đồng thẩm định các hoạt động, nhiệm vụ và dự án bảo vệ môi trường xin tài trợ hoặc xin hỗ trợ đầu tư và phục vụ cho các hoạt động khác của Quỹ.

4. Được hưởng chế độ lương, thưởng, phúc lợi theo quy định hiện hành như đối với doanh nghiệp nhà nước.

5. Từ chối mọi yêu cầu của bất cứ tổ chức hoặc cá nhân nào về việc cung cấp thông tin và các nguồn lực khác của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

6. Được trực tiếp quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để kêu gọi, thu hút và tiếp nhận tài trợ hoặc thực hiện huy động vốn đầu tư cho các dự án, các hoạt động và nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo kế hoạch hoạt động được giao của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

7. Được cử cán bộ và nhân viên của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan, khảo sát theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 6.** Nguồn vốn của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

Vốn hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam được hình thành từ các nguồn sau:

1. Vốn điều lệ của Quỹ do ngân sách nhà nước cấp là 200 tỷ đồng. Ngân sách nhà nước cấp đủ vốn điều lệ cho Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam trong thời hạn 2 năm, kể từ ngày có quyết định thành lập. Việc thay đổi vốn điều lệ của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Vốn hoạt động từ các nguồn khác:



a) Tiền đền bù thiệt hại về môi trường (khoản thu vào ngân sách nhà nước) của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

b) Trích 50% tiền thu phí bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

c) Trích 10% kinh phí dành cho hoạt động quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường hàng năm;

d) Tiền đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

đ) Các khoản viện trợ, tài trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

e) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật;

g) Vốn nhận ủy thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho lĩnh vực bảo vệ môi trường.

**Điều 7.** Bộ máy quản lý và điều hành Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam gồm có Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và cơ quan điều hành nghiệp vụ.

1. Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có năm thành viên, gồm: đại diện lãnh đạo Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, đại diện có thẩm quyền của các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và một lãnh đạo Cục Môi trường thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam là Thứ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Căn cứ vào đề nghị của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ra quyết định bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam. Các thành viên Hội đồng quản lý hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm

và được hưởng các chế độ theo quy định của Nhà nước.

2. Trưởng ban Ban Kiểm soát do Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm và miễn nhiệm. Thành viên Ban Kiểm soát do Hội đồng quản lý quyết định theo đề nghị của Trưởng ban Ban Kiểm soát và hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam gồm Giám đốc, một Phó giám đốc, kế toán trưởng và bộ phận giúp việc.

Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam do một lãnh đạo Cục Môi trường kiêm nhiệm được Hội đồng quản lý đề xuất và Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường bổ nhiệm.

Phó giám đốc và Kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đề nghị, Hội đồng quản lý trình Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm.

Bộ phận giúp việc do Hội đồng quản lý quyết định. Trong giai đoạn đầu, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam được sử dụng bộ máy của Cục Môi trường để điều hành hoạt động của Quỹ.

**Điều 8.** Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

**Điều 9.** Điều khoản thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ trưởng các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch



Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ  
*Phó Thủ tướng*

PHẠM GIA KHIÊM

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ  
số 83/2002/QĐ-TTg ngày 26/6/2002  
về phạm vi áp dụng chính sách  
đối với các khu kinh tế cửa khẩu  
biên giới của tỉnh Cao Bằng.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng tại Tờ trình số 122/TT-UB ngày 05 tháng 3 năm 2002; đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2793/BKH-QLKT ngày 07 tháng 5 năm 2002, của Bộ Tài chính tại Công văn số 4015/TC-CSTC ngày 24 tháng 4 năm 2002,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phạm vi các khu kinh tế cửa khẩu biên giới của tỉnh Cao Bằng như sau:

- Khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, gồm thị trấn Tà Lùng và xã Hòa Thuận thuộc huyện Phục Hòa.
- Khu kinh tế cửa khẩu Trà Lĩnh, gồm toàn bộ thị trấn Hùng Quốc thuộc huyện Trà Lĩnh.
- Khu kinh tế cửa khẩu Sóc Giang, gồm toàn bộ xã Sóc Hà thuộc huyện Hà Quảng.

**Điều 2.** Các khu kinh tế cửa khẩu biên giới của tỉnh Cao Bằng được áp dụng chính sách đối với khu kinh tế cửa khẩu biên giới quy định tại Quyết định số 53/2001/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ năm 2002. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ  
*Phó Thủ tướng*

NGUYỄN MẠNH CẨM

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ  
số 84/2002/QĐ-TTg ngày 26/6/2002  
về việc bổ sung thành viên Ban  
Chủ nhiệm Chương trình mục tiêu  
quốc gia xóa đói, giảm nghèo và  
việc làm giai đoạn 2001 - 2005.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Quyết định số 177/2001/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chủ nhiệm Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói, giảm nghèo và việc làm giai đoạn 2001 - 2005;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động -*